

Bản án số: 104/2021/HS-PT

Ngày 02 - 02 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Văn Kết

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 567/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thanh T1 cùng đồng phạm, do có kháng cáo của 02 bị cáo Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Quang D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 370/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng K**; tên gọi khác: Nguyễn Thành K; giới tính: Nam; sinh năm 1992, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: Khu vực 5, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: (không nơi cư trú nhất định); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn Sấm (chết) và bà Phạm Thị Thu Ngân; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không); Bắt, tạm giam: 08/10/2016;

2. Họ và tên: **Nguyễn Quang D**; tên gọi khác: D chỉ; Nguyễn Văn Thanh; giới tính: Nam; sinh năm 1964, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 958/63/1 Đường Lạc Long Quân, Phường 8, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 112/10A Đường Trường Chinh, Khu phố 2, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Xây dựng; con ông Nguyễn Quang Chu

(chết) và bà Trương Thị Thức (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Nguyễn Thị Lan, có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bắt, tạm giam: 08/10/2016; thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng cấm đi khỏi nơi cư trú: 24/3/2017; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đỗ Hải B1, Văn phòng luật sư Quốc Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các T2 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Quang D có tham gia chơi hụi với bị cáo Lục Thị Thu T nên biết T có ghi sổ đề. Do vậy, D giới thiệu bị cáo T với bị cáo Lê Thanh T1 để T1 chơi sổ đề với bị cáo T. Đồng thời, bị cáo D bàn bạc với bị cáo T1 tìm cách thắng sổ đề bằng cách chơi gian lận. Sau đó, bị cáo T1 sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin đến số điện thoại 0974824020 của T sử dụng để mua sổ đề. T1 đã nhắn tin đến số điện thoại của bị cáo T để ghi sổ đề dựa trên kết quả xổ số của các Công ty xổ số kiến thiết miền Nam và miền Bắc vào ngày 02 và ngày 03/10/2016, cụ thể:

Ngày 02/10/2016, T1 nhiều lần nhắn tin cho T để mua sổ đề:

- Đài Tiền Giang, T1 mua sổ đề với tổng số tiền ghi trên phoi đề là 10.888.000 đồng nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 8.274.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 không trúng.

*Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 8.274.000 đồng.*

- Đài Kiên Giang, T1 nhắn tin mua nhiều sổ đề với tổng số tiền ghi trên phoi là 11.863.000 đồng nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 9.015.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 thắng 750.000 đồng.

*Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 9.765.000 đồng (9.015.000 đồng + 750.000 đồng).*

- Đài miền Bắc, T1 nhắn tin mua nhiều sổ đề với tổng số tiền ghi trên phoi là 14.896.000 đồng nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 11.320.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 thắng 16.950.000đ.

*Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 28.270.000 đồng (11.320.000 đồng + 16.950.000 đồng).* Tổng cộng, trong ngày 02/10/2016, T1 thua 11.880.000 đồng.

Ngày 03/10/2016, T1 nhiều lần nhắn tin cho T mua sổ đề:

- Đài Thành phố Hồ Chí Minh, T1 nhắn tin mua nhiều số đề với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 15.565.000đ nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 11.892.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 thắng 3.750.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 15.642.000 đồng (11.892.000 đồng + 3.750.000 đồng).

- Đài Đồng Tháp, T1 nhắn tin mua nhiều số đề với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 10.885.000 đồng nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 8.246.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 thắng 11.375.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 19.621.000 đồng (8.246.000 đồng + 11.375.000 đồng).

- Đài miền Bắc: T1 nhắn tin mua nhiều số đề với tổng số tiền ghi trên phôi đề là 32.400.000 đồng nhưng số tiền thực tế T1 phải trả cho T là 24.624.000 đồng. Theo kết quả xổ số, T1 thắng 15.000.000 đồng. Như vậy, số tiền đánh bạc trong lần này là 39.624.000 đồng (24.624.000 đồng + 15.000.000 đồng).

Tổng cộng, ngày 03/10/2016, T1 thua 13.870.000 đồng.

Ngày 04/10/2016, qua sự giới thiệu của Quách Thanh B (sinh năm 1980; đăng ký thường trú tại 148/12/50/15/30 Đường Tôn Đức, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại 35/37A Đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh), D quen biết với một đối tượng tên T2 (không rõ lai lịch). T2 là người có khả năng dùng kỹ thuật công nghệ để can thiệp vào tin nhắn điện thoại, sửa thời gian gửi tin nhắn. Trong ngày 04/10/2016, tại nơi ở của T1 (địa chỉ A1-206 chung cư Green Hills, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Hưng Hòa B, quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh), các đối tượng D, T1, B và vợ chồng T2 đã cùng nhau bàn bạc chơi số đề gian lận với T. Cả nhóm thống nhất sẽ nhắn tin cho T mua số đề theo kết quả xổ số của các đài tỉnh Miền Nam; nếu thua thì đến 18 giờ cùng ngày sẽ nhắn tin mua tiếp theo kết quả xổ số của các đài Miền Bắc. Sau khi có kết quả xổ số, T2 sẽ gửi tin nhắn mua số đề theo các số đã xổ nhưng sửa thời gian gửi tin nhắn đi sớm hơn so với thời gian thực. Số tiền thắng đề qua gian lận sẽ chia cho B và vợ chồng T2 30%, phần còn lại sẽ chia đôi cho D và T1. Để thực hiện việc chơi đề gian lận với T, T1 lấy sim điện thoại mang số thuê bao 01235555949 đưa cho T2 để T2 gắn vào điện thoại của T2, rồi T2 nhắn tin đến số điện thoại 0974824020 của T để mua số đề. Trước khi T2 nhắn tin cho T, T1 nói sẽ mua số đề riêng cho T1 và vẫn sử dụng số điện thoại 01235555949 để nhắn tin cho T để mua số đề. T2 sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin mua các số đề theo kết quả xổ số đài Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó có số đề do cả nhóm mua chung và số đề do T1 mua riêng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, D có việc nên đi trước. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi có kết quả xổ số của đài Bà Rịa - Vũng Tàu, tổng kết lại thì nhóm của T1 bị thua 29.000.000đ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T2 tiếp tục sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin cho T để

mua số đề theo kết quả xổ số của các đài miền Bắc, T1 cũng yêu cầu T2 nhắn tin mua số đề riêng cho T1. Khoảng 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, theo kết quả xổ số của các đài miền Bắc, nhóm của T1 thắng 84.870.000 đồng (sau khi đã trừ tiền mua đề). Cấn trừ số tiền 29.000.000 đồng (đã đề cập) và 13.870.000 đồng (tiền T1 thua đề ngày 03/10/2016), T còn phải trả cho T1 42.000.000 đồng.

Sau khi có kết quả xổ số đài miền Bắc như đã vừa nêu, T2 tiếp tục dùng số điện thoại 01235555949 nhắn tin cho T mua số đề theo kết quả quay số của các đài miền Bắc. Tuy nhiên, T2 chỉnh sửa thời gian trên điện thoại của mình để H thị thời điểm nhắn tin là trước khi có kết quả xổ số của các đài miền Bắc. Nội dung tin nhắn và kết quả thắng thua như sau:

- “đá số 08-26” với số tiền 100.000 đồng, kết quả thắng 65.000.000 đồng;
- Bao lô số “7608” với số tiền 80.000 đồng, kết quả thắng 440.000.000 đồng;
- Bao lô số “608” với số tiền 300.000 đồng, kết quả thắng 195.000.000 đồng;
- Bao lô số “08” với số tiền 2.000.000 đồng, kết quả thắng 450.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền mà nhóm của T1 thắng đề là 1.150.000.000 đồng.

Do thấy T1 nhắn tin mua số đề sau khi đã có kết quả xổ số nên T liên lạc với D, báo lại sự việc và yêu cầu giải quyết.

Khoảng hơn 21 giờ ngày 04/10/2016, D đến nhà T và nói với T rằng “từ từ rồi tính”. Lúc này, ở nhà của T có anh Nguyễn Văn Cường (chồng T) và con của T là anh Nguyễn Hoàng H. Khoảng 15 phút sau, có một người đàn ông và một người phụ nữ đến nhà của T, D giới thiệu người đàn ông tên là T1, người mà D giới thiệu mua số đề của T vào ngày 02/10/2016 và 03/10/2016. D bảo mọi người vào nhà để nói chuyện. Lúc này, người phụ nữ (vợ của T2) đặt lên bàn chiếc điện thoại có tin nhắn mua số đề theo kết quả đài miền Bắc và nói rằng đây là bằng chứng đã mua số đề. Do mắt kém nên T nhờ con trai là Nguyễn Hoàng H kiểm tra. Sau khi kiểm tra, H cho biết thời gian nhận tin nhắn trên điện thoại của T là khoảng 18 giờ 20 phút (sau giờ xổ số), còn thời gian gửi tin nhắn H thị trên chiếc điện thoại đặt trên bàn là 18 giờ 05 phút (trước giờ xổ số). T thấy có sự chênh lệch về thời gian nên T mời T1 và vợ T2 đi về. Vợ của T2 nói không trả tiền trúng đề đi rồi biết. Trong thời gian từ lúc T1 và vợ T2 đến nhà của T cho đến lúc đi, T chỉ nói chuyện với D và vợ T2 về nội dung số tiền thắng đề quá lớn mà không nói cụ thể là bao nhiêu; T1 thì không nói gì về tiền đề. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/10/2016, T hẹn D ra ngoài quán nước để đưa cho D 42.000.000 đồng là số tiền mà nhóm của T1 thắng đề (như đã được nêu ở phần trên).

Khoảng 12 giờ ngày 05/10/2016, T1 cùng Dương Thanh Vũ, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Hoàng K đón xe taxi từ nhà của T1 đi đến nhà của T để đòi T phải đưa số tiền 1.150.000.000 đồng. Hùng mang theo súng tự chế (giống như súng săn), T1 mang theo súng bắn đạn bi, với mục đích đe dọa, uy hiếp tinh thần T để T sợ mà phải đưa tiền. Khi đến nhà T, lúc đó, chỉ có một mình T ở trong nhà, T1 gọi T ra ngoài. Khi T ra khỏi cửa nhà, T1 và Hùng cầm súng chỉ vào nhà và người T để uy hiếp nhưng không nói gì. Do hoảng sợ, T vào nhà và đóng cửa lại. Vũ dùng tay đập mạnh vào cửa hàng rào, K dùng gạch ống ném vào mái nhà T, rồi cả nhóm bỏ đi.

Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 05/10/2016, T đến Cơ quan công an trình báo sự việc bị đe dọa, uy hiếp như trên. Trước khi trình báo, T hủy số điện thoại dùng để bán số đề, xóa toàn bộ tin nhắn (đi-đến), cuộc gọi (đi-đến). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Tân Phú đã đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phục hồi lại dữ liệu điện thoại của T để thu dữ liệu T ghi đề, trong đó có các ngày 02, ngày 03 và ngày 04 tháng 10 năm 2016 nhưng không thu giữ Tm được dữ liệu gì.

Đến chiều ngày 06/10/2016, K đi đến nhà Nguyễn Hoàng T1 (còn có tên gọi khác là Danh; sinh năm 1987; đăng ký thường trú tại 6/11 Đường Văn Cao, Tổ 60, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại B15/5B đường Cây Cám, Tổ 3, Ấp 2C, xã Vĩnh Lộc B, huyện B Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). K đưa cho Nguyễn Hoàng T1 cất giữ một ba-lô nhưng không nói có gì bên trong. Khi Nguyễn Hoàng T1 dọn vệ sinh trong nhà thì phát hiện trong ba-lô có 01 chiếc đèn pin, 01 khẩu súng tự chế, 02 viên đạn. Sau đó, K dùng mô-tô mang biển số 65F5-6945 chở Lê Hoàng Hiệp (sinh năm 1986; đăng ký thường trú tại Khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; cư trú tại 42/49/2 Đường số 5, Khu phố 6, phường B Hưng Hòa A, quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) đến quán cà phê tại số 11 Đường Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, có các bị cáo T1, Vũ, Hùng và Nguyễn Văn Tú (sinh năm 1985; đăng ký thường trú tại TDP7, thị trấn Ma Đa Guôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng; cư trú tại Phòng trọ số 1, nhà số 2 đường Lê Vĩnh Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) và Điền (không rõ lai lịch). Vũ điện thoại bảo Quách Thanh B đến quán cà phê để nhờ B gọi D đến giải quyết việc tiền bạc liên quan đến việc chơi đề. Trong khi chờ B đến, vào lúc 15 giờ 30 phút, K chở Hiệp, còn Điền chở Tú đến nhà vợ của D (địa chỉ số 32 Đường Hoàng Ngọc Phách, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh). Do không gặp D nên K, Hiệp, Điền và Tú lại quay trở lại quán cà phê. Sau đó, Quách Thanh B cũng đến quán cà phê đã nêu. Đến 16 giờ cùng ngày, cả nhóm bị Công an Quận Tân Phú mời về trụ sở để làm việc. Khoảng 18 giờ cùng ngày, K điện thoại bảo

Nguyễn Hoàng T1 mang chiếc ba-lô đến đường Nguyễn Sơn, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại cho K. Do bận công việc nên Nguyễn Hoàng T1 nhờ Hồng Thuận Phát (sinh năm 1990; đăng ký thường trú tại 101/31 đường Nghi Xuân, phường B Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại Tổ 10, Ấp 2A, xã Vĩnh Lộc B, huyện B Chánh) đến nhà Nguyễn Hoàng T1 lấy ba-lô mang đi giao cho K. Phát đồng ý và điều khiển xe mô-tô biển số 51R4-9049 đến nhà Nguyễn Hoàng T1 lấy ba-lô và mang đi giao cho K. Trên đường đi, Phát đón chị gái của Nguyễn Hoàng T1 là Nguyễn Thị Hoàng Oanh đi cùng. Trên đường đến điểm hẹn thì Phát và Oanh bị Công an quận Tân Phú mời về làm việc; Công an thu giữ chiếc ba-lô đã đề cập, bên trong có khẩu súng tự chế và súng bắn đạn bi mà Hùng và T1 đã sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu được cuốn sổ ghi chép những số đề mà T1 mua riêng cho T1. Tuy nhiên, không thu giữ được dữ liệu trong điện thoại của T; không xác định được nhân thân lai lịch của T2, không thu được chiếc điện thoại mà T2 sử dụng nhắn tin mua số đề. Do vậy, không xác định được số tiền đánh bạc trong ngày 04/10/2016.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú, lúc đầu T1 khai nhận rằng bị cáo đi đến nhà T để đòi số tiền 1.150.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, T1 và các đồng phạm khai rằng chỉ đến nhà T đòi số tiền thắng đề ngày 04/10/2016 là 42.000.000 đồng.

Ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử, tại bản án hình sự số 127/2018/HS-ST đã tuyên:

Áp dụng khoản 1 Điều 135, khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”, 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung 3.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Hùng 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 135, Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 03 năm tù; xử phạt bị cáo Dương Thanh Vũ 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Quang D 05 tháng 16 ngày tù về tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 248, khoản 1 và 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lục Thị Thu T 01 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án; phạt bổ sung 3.000.000đ.

Ngày 23/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đã nêu, đề nghị hủy phần bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt T2 sản” với lý do: Phải xét xử các bị cáo Lê Thanh T1, Dương Thanh Vũ, Nguyễn Tấn Hùng và Nguyễn Hoàng K về tội “Cưỡng đoạt T2 sản” theo khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 mới đúng.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 86/2019/HS-PT ngày 07/3/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với: Bị cáo Lê Thanh T1 bị xét xử về tội “Đánh bạc” và “Cưỡng đoạt T2 sản”; giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 171/CT-VKS-P2 ngày 23/4/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như sau: Truy tố Lê Thanh T1 về các tội “Cưỡng đoạt T2 sản” và “Đánh bạc” theo điểm a khoản 4 Điều 135; điểm b và c khoản 2 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999); Truy tố Dương Thanh Vũ, Nguyễn Tấn Hùng, Nguyễn Hoàng K về tội “Cưỡng đoạt T2 sản” theo điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; Truy tố Nguyễn Quang D về tội “Đánh bạc” theo điểm b và c khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố Lục Thị Thu T về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 135, điểm b và c khoản 2 và khoản 3 Điều 248, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50 và Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 07 (bảy) năm tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

Phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) đối với tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 135, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Hùng 06 (sáu) năm tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 135, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Dương Thanh Vũ 05 (năm) năm tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2016.

5. Căn cứ điểm điểm b khoản 2 và 3 Điều 248, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 08/10/2016 đến ngày 24/3/2017.

Phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng).

6. Căn cứ điểm điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1, khoản 2 và 3 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lục Thị Thu T 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm (bằng với hình phạt tù cho hưởng án treo mà bị cáo đã bị tuyên phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bị cáo đã chấp hành xong);

Phạt bổ sung 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

*Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 10/9/2020, bị cáo Nguyễn Hoàng K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 02/12/2020 bị cáo K có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo về việc bị cáo rút kháng cáo.

Ngày 22/9/2020, bị cáo Nguyễn Quang D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Đối với các bị cáo Lê Thanh T1, Dương Thanh Vũ, Nguyễn Tấn Hùng, Lục Thị Thu Thuê, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không có kháng cáo, không bị

kháng nghị nên phần án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo có hiệu lực pháp luật.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Nguyễn Quang D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; lý do kháng cáo: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là quá nặng; vì bị cáo chỉ tham gia đánh bạc 01 lần vào ngày 04/10/2016;

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo D chỉ làm môi giới cho T1 mua số đề của T. Còn số tiền chơi cụ thể như thế nào thì bị cáo không rõ; do vậy, việc Viện kiểm sát và Tòa án sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 là chưa thỏa đáng, đề nghị Hội đồng phúc thẩm xét xử phúc thẩm sửa án theo hướng xử bị cáo ở khoản 1 và cho bị cáo được hưởng mức án bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T2 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quang D khai nhận: Bị cáo Nguyễn Quang D có chơi hụi với bị cáo Lục Thị Thu T nên biết được bị cáo T có nhận ghi số đề thông qua tin nhắn điện thoại tại nhà 33/26/17 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, D giới thiệu cho bị cáo Lê Thanh T1 với T để bàn với T1 cách thắng số đề bằng hình thức gian lận và được T1 đồng ý; còn D là người nhận tiền thắng thua đôi bên để hưởng hoa hồng; theo Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2020 ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (BL: 1713, trang 17 BAST), xác định:

- Vào các ngày 02 và 03 tháng 10 năm 2016, T1 sử dụng số điện thoại 01235555949 nhắn tin đến số điện thoại 0974824020 của T để mua số đề dựa trên kết quả xổ số của các Công ty xổ số kiến thiết miền Nam và miền Bắc; Tổng số tiền mà các bị cáo T1 và T tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi đề của 02 ngày là 111.440.765 đồng.

- Ngày 04/10/2016, D, T1, Quách Thanh B (bạn D) và vợ chồng T2 (chưa rõ lai lịch, là người có khả năng sử dụng công nghệ sửa số đề không trùng thành số trúng) cùng nhau đánh số đề gian lận với T. Số tiền thắng đề chia cho vợ chồng T2 30%, số tiền 70% còn lại chia đều cho D và T1. Với thủ đoạn trên, T1 đã trúng sau khi trừ số tiền thua vào ngày 02 và 03 tháng 10/2016; T còn phải trả cho T1 số tiền 42.000.000 đồng. Đến 10 giờ ngày 05/10/2016, T hẹn D ra quán

nước để đưa cho D số tiền 42.000.000 đồng mà T1 thắng đề, để D đưa lại cho T1.

Còn riêng T2 và T1 tiếp tục sửa số kết quả đài miền Bắc, lùi lại trước giờ xổ số 15 phút và nhắn tin vào điện thoại của T để mua các số đã có kết quả xổ số, tổng cộng T1 trúng đề 1.150.000.000 đồng; do T không chịu thanh toán số tiền trúng trên nên T1 đã rủ Dương Thanh Vũ, Nguyễn Tấn Hùng, Nguyễn Hoàng K mang theo súng tự chế đến nhà T đe dọa, huy hiếp, dùng gạch ném vào nhà buộc T phải đưa tiền (hành vi này của các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cưỡng đoạt T2 sản”).

Tại Tòa bị cáo Nguyễn Quang D cho rằng bị cáo chỉ làm môi giới cho bị cáo T1 mua số đề của bị cáo T. Còn số tiền chơi cụ thể như thế nào thì bị cáo không rõ; nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 là chưa thỏa đáng, mà bị cáo chỉ phạm tội ở khoản 01 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Thấy rằng, theo xác định của bản án sơ thẩm và lời khai của bị cáo D trong suốt quá trình tố tụng thể hiện: Bị cáo D chỉ tham gia 01 lần đánh bạc vào ngày 04/10/2016 số tiền 42.000.000 đồng; còn các ngày 02 và 03 tháng 10 năm 2016 chỉ có bị cáo T1 và T trực tiếp tham gia, điều này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo T là số tiền T1 thắng ngày 04/10 có trừ đi số tiền thua các ngày 02 và 03/10; phù hợp với vai trò của bị cáo D là nhận tiền thắng thua các bên; trong khi số tiền T1 thua ngày 02 và 03/10 được trừ vào ngày 04/10, chứng minh bị cáo D không tham gia đánh bạc 02 lần trước;

Mặt khác, sau khi Bản án hình sự sơ thẩm xét xử lần 01 bị hủy về thì quá trình điều tra lại cũng không thu thập được T2 liệu chứng cứ (các dữ liệu trong điện thoại liên quan đến các lần đánh bạc không phục hồi được) để chứng minh chính xác số tiền đánh bạc, mà chỉ thông qua lời khai nhận của các bị cáo; vì chưa đủ chứng cứ vật chất chứng minh lần đánh bạc vào các ngày 02 và 03 tháng 10 năm 2016 của bị cáo D nhưng cấp sơ thẩm vẫn truy tố, xét xử (lần 02) đối với bị cáo D ở khoản 02 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa vững chắc; mà cần xét xử bị cáo ở khoản 01 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 mới phù hợp, đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, có lợi cho bị cáo.( xét xử sơ thẩm lần 01 theo khoản 01 Điều 248 là hợp lý).

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “Đánh bạc” theo Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, nhưng ở khoản 02 là chưa phù hợp, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng xét xử bị cáo D ở khoản 01 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quang D thấy rằng: Vai trò của bị cáo trong vụ án đánh bạc chỉ là môi giới, các bị cáo Lê Thanh T1 và Lục Thị Thu T mới là người tham gia trực tiếp; Hơn nữa bản thân bị cáo cũng chưa được hưởng lợi từ việc môi giới, số tiền trúng đề của bị cáo T1, bị cáo cũng đã nộp lại; quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp xong số tiền phạt bổ sung; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, vì bị cáo phạm tội lần đầu có vai trò không đáng kể theo điều Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015) là chưa đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa phù hợp như đã phân tích, nhận định trên.

Xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng (có mức hình phạt từ 03 tháng đến 03 năm) nên thời gian tạm giam của bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuyên bằng mức thời hạn tạm giam là tương xứng với tính chất, mức độ, cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án (bằng với mức hình phạt tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2018/HS-ST ngày 24/4/2018).

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang D; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 370/2020/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo D;

Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D (D Chì; Nguyễn Văn Thanh) phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang D 05 tháng 16 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 08/10/2016 đến ngày 24/3/2017 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quang D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND Phường 8, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án ( ĐTT-17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chung Văn Kết**







